

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	69.673.130	38.289.156	21.167.105	1.424.200	11.400	2.764.161	1.770.733	4.246.375
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	59.456.261	38.289.156	21.167.105					
1	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố	58.433		58.433					
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	200.915		200.915					
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	456.979		456.979					
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	78.653		78.653					
5	Sở Tư pháp	61.360		61.360					
6	Sở Công Thương	132.243		132.243					
7	Sở Khoa học và Công nghệ	318.601		318.601					
8	Sở Tài chính	77.886		77.886					
9	Sở Xây dựng	2.979.256		2.979.256					
10	Ban An toàn giao thông thành phố	3.025		3.025					
11	Sở Giao thông vận tải	3.344.954		3.344.954					
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.879.164		2.879.164					
13	Sở Y tế	2.008.810		2.008.810					
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	923.293		923.293					
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	183.961		183.961					
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.994.851		1.994.851					
17	Sở Thông tin và truyền thông	587.300		587.300					
18	Sở Du lịch	72.334		72.334					
19	Sở Văn hóa và Thể thao	1.036.801		1.036.801					
20	Sở Nội vụ	269.266		269.266					
21	Thanh tra Thành phố	85.262		85.262					
22	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	53.657		53.657					
23	Đài Tiếng nói nhân dân	60.111		60.111					
24	Liên minh Hợp tác xã thành phố	6.415		6.415					
25	Ban Dân tộc	20.421		20.421					
26	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố	4.775		4.775					
27	Thành ủy	1.076.822		1.076.822					
28	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh	42.667		42.667					
29	Thành đoàn	115.594		115.594					
30	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh	28.453		28.453					
31	Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh	17.876		17.876					
32	Hội Cựu chiến binh thành phố Hồ Chí Minh	7.769		7.769					

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
33	Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghệ vụ Tôn Đức Thắng	7.256		7.256					
34	Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật thành phố	6.589		6.589					
35	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị thành phố	6.364		6.364					
36	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật thành phố	10.807		10.807					
37	Hội Nhà văn thành phố	2.853		2.853					
38	Hội Nhà báo thành phố	2.401		2.401					
39	Hội Luật gia thành phố	1.059		1.059					
40	Hội Chữ thập đỏ thành phố	3.995		3.995					
41	Hội Âm nhạc thành phố	6.827		6.827					
42	Hội Điện ảnh thành phố	2.934		2.934					
43	Hội Nghệ sĩ múa thành phố	2.535		2.535					
44	Hội Kiến trúc sư thành phố	2.470		2.470					
45	Hội Mỹ thuật thành phố	3.666		3.666					
46	Hội Sân khấu thành phố	3.625		3.625					
47	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số thành phố	1.968		1.968					
48	Hội Nhiếp ảnh thành phố	1.966		1.966					
49	Hội Người mù thành phố	4.265		4.265					
50	Hội Đông y thành phố	690		690					
51	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố	602		602					
52	Hội Cựu thanh niên xung phong thành phố	642		642					
53	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi thành phố	506		506					
54	Hội Khuyến học thành phố	945		945					
55	Bảo hiểm xã hội thành phố	64.959		64.959					
56	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố	15.405		15.405					
57	Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh	233.622		233.622					
58	Công an thành phố	93.721		93.721					
59	Cục Thi hành án dân sự TP	2.260		2.260					
60	Cục Thống kê TP	6.241		6.241					
61	Hội đồng xử lý vàng bạc TP	130		130					
62	Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV	900		900					
63	Sở Ngoại vụ TP	19.308		19.308					
64	Sư đoàn 317	2.500		2.500					
65	Tòa án nhân dân TP	7.263		7.263					
66	Viện Kiểm sát nhân dân TP	5.614		5.614					
67	Ban An toàn giao thông thành phố								
68	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	4.023		4.023					
69	Ban liên lạc Cựu tù chính trị và tù bình thành phố	258		258					

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
70	Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố	139.161		139.161					
71	Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	39.842		39.842					
72	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	14.447		14.447					
73	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố	8.591		8.591					
74	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố	10.353		10.353					
75	Ban Quản lý đường sắt đô thị	2.128		2.128					
76	Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	66.244		66.244					
77	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	37.104		37.104					
78	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	54.910		54.910					
79	Đảng đoàn Hiệp hội doanh nghiệp	180		180					
80	Hiệp hội doanh nghiệp thành phố	959		959					
81	Học viện Cán bộ thành phố	5.858		5.858					
82	Hội Dược học thành phố	68		68					
83	Hội Khoa học, kỹ thuật và xây dựng thành phố	236		236					
84	Hội Lâm vườn và trang trại thành phố	282		282					
85	Hội Sinh vật cảnh thành phố	260		260					
86	Hội Y học thành phố	348		348					
87	Lực lượng Thanh niên xung phong	490.872		490.872					
88	Trung tâm Điều khiển đèn tín hiệu giao thông	1.000		1.000					
89	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	63.089		63.089					
90	Trường Đại học Sài Gòn	80.229		80.229					
91	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1.566		1.566					
92	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố	9.491		9.491					
93	Viện Nghiên cứu phát triển thành phố	49.012		49.012					
94	Công ty Quản lý và khai thác dịch vụ thủy lợi	7.744		7.744					
95	Chi khác	364.055		364.055					
96	Chi đầu tư phát triển	38.289.156	38.289.156						
II	CHI TRẢ NỢ LÃI DO CQ ĐP VAY	1.424.200			1.424.200				
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	11.400				11.400			
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.764.161					2.764.161		
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	1.770.733						1.770.733	
VI	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	4.246.375							4.246.375
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-							